

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 03-5-2018

V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Quen

2. Ông Đoàn Bửu Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST- DS ngày 10/01/2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX-ST ngày 13/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1972

Địa chỉ: K1, p2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977

Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: K1, p2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản cho anh H, chị Tr đã nhiều năm, sau khi thu hoạch tôm theo mùa vụ anh H, chị Tr có thanh toán tiền mua hàng hóa nhiều lần, tính đến ngày 22/10/2016 còn nợ lại ông số tiền 203.000.000 đồng. Từ ngày 22/10/2016 đến ngày 29/4/2017 ông tiếp tục bán tôm giống, thuốc thú y thủy sản, thức ăn cho tôm cho anh H, chị Tr. Đến tháng 7 năm 2017 khi kết sổ lại anh H, chị Tr còn nợ ông số tiền 350.000.000 đồng. Khi thu hoạch tôm có lãi, nhưng anh H, chị Tr chỉ trả cho ông 60.000.000 đồng, còn lại 290.000.000 đồng anh H, chị Tr không trả. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị Tr mỗi người có trách nhiệm trả cho ông 50% tổng số tiền 290.000.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hoà giải ngày 09/3/2018 và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị Thu Tr thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân với anh H; chị và anh H có mua tôm giống, thuốc thú y thủy sản, thức ăn nuôi tôm của ông Nguyễn Văn U nhiều lần đúng như ông U trình bày. Lúc đó, vì thấy tôm nuôi bị chết nên ông U ngưng không bán nữa nên chị và anh H phải mua chỗ khác. Sau khi thu hoạch tôm cũng có lãi, chị và anh H phải trả tiền mua thức ăn, thuốc thú y cho nhiều người nên chỉ trả cho ông U 60.000.000 đồng, còn nợ ông U 290.000.000 đồng. Vào tháng 7 năm 2017 chị và anh H đã được Tòa án nhân dân thị xã D công nhận thuận tình ly hôn, chị nuôi 02 con chung, anh H không cấp dưỡng; về tài sản hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H có viết giấy để lại cho con chung tên (Nguyễn Quang V) căn nhà là tài sản chung của vợ chồng. Đối với số tiền nợ ông U, anh H nhận trách nhiệm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Tr đồng ý chịu trách nhiệm trả cho ông U 50% số tiền 290.000.000 đồng, nhưng chị Tr xin trả dần theo khả năng thu nhập thực tế.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H đồng ý với toàn bộ lời trình bày của ông U, chị Tr; anh Nguyễn Văn H đồng ý chịu trách nhiệm trả 50% của số tiền 290.000.000 đồng cho ông U và anh H cũng xin được trả dần theo khả năng tài chính cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Tr, anh H hoàn trả tiền mua tôm giống, thuốc thú y thủy sản và thức ăn nuôi tôm. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị Thu Tr có nơi cư trú tại P2, thị xã D. Tòa án nhân dân thị xã D thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Từ năm 2012 đến năm 2017, ông Nguyễn Văn U có bán thuốc thú y thủy sản, thức ăn nuôi tôm và tôm giống cho chị Tr, anh H nhiều lần; đến tháng 10 năm 2016 nợ cũ chốt lại anh H, chị Tr còn nợ 203.000.000 đồng. Từ ngày 22/10/2016 đến ngày 29/4/2017 anh H, chị Tr tiếp tục mua tôm giống, thuốc thú y thủy sản, thức ăn nuôi tôm của ông U nhiều lần, khi kết sổ lại anh H, chị Tr còn nợ ông U số tiền 350.000.000 đồng. Khi thu hoạch tôm anh H, chị Tr trả cho ông U 60.000.000 đồng, anh H, chị Tr thừa nhận còn nợ ông U 290.000.000 đồng. Việc mua bán giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng, bên mua cũng không có ký xác nhận sổ sách gì cho bên bán. Tuy nhiên, bị đơn anh H, chị Tr thừa nhận toàn bộ số tiền ông U kiện đòi và không phản đối; đây là những tình tiết ông U không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Việc thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ của anh H, chị Tr tại văn bản (Giấy ký thác) ngày 07/7/2017: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 121/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã D về việc công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H, với chị Tr. Khi thuận tình ly hôn, chị Tr và anh H không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản và anh H, chị Tr cũng không đề cập đến khoản tiền đang nợ của ông U. Việc anh H lập giấy tay thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung cho con và anh H chịu trách nhiệm trả nợ trong đó có khoản nợ của ông U, nhưng thỏa thuận này không được ông U đồng ý nên bị vô hiệu. Theo quy định tại Điều 27 và khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh H, chị Tr phải có nghĩa vụ chung phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận, xác lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Tr đồng ý cùng anh H mỗi người chịu trách nhiệm trả cho ông U 50% của số tiền 290.000.000 đồng và xin trả dần, ông U không đồng ý. Theo lời khai ông U, chị Tr và anh H đều thống nhất cho rằng, thời gian thỏa thuận thanh toán tiền mua tôm giống, thuốc thú y thủy sản, thức ăn nuôi tôm là sau khi kết thúc mỗi vụ nuôi. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thanh toán mà bên mua không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, ông U khởi kiện yêu cầu bên mua là chị Tr và anh H mỗi người chịu nghĩa vụ trả cho ông U 50% tổng số tiền 290.000.000 đồng tiền mua hàng hóa còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U yêu cầu anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị Thu Tr trả số tiền mua tôm giống, thuốc thú y thủy sản, thức ăn nuôi tôm bằng 290.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị Thu Tr mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn U 145.000.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị Thu Tr mỗi người phải chịu 7.250.000 đồng án phí dân sự. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011988 ngày 05/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Truyền